

Bản án số: **109/2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 27-9-2022.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tuôi

2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 211/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 385/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp AH, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 16/9/2022.

2. *Bị đơn:* Anh Từ Tấn Th, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp AH, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt không lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2022; Bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước, chị và anh Từ Tấn Th tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện MC (nay là huyện M), vào ngày 18/11/2008. Trong thời gian chung sống, chị và anh Th không chung chí hướng, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau trong cuộc sống hàng ngày khiến cả hai đều căng thẳng và mệt mỏi. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung

tên Từ Trịnh Tuấn T1, sinh ngày 06/9/2009 và Từ Trịnh Phong Nh, sinh ngày 11/11/2011, hiện đang sống với chị và anh Th. Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao hai con chung cho anh Th tiếp tục trực tiếp nuôi và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai.

Bị đơn anh Từ Tấn Th vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của anh Th.

Tại Biên bản lấy ý kiến ngày 16/8/2022; cháu Từ Trịnh Phong Nh và cháu Từ Trịnh Tuấn T1 đều trình bày như sau:

Hiện cháu đang sống chung với cha Từ Tấn Th và mẹ Trịnh Thị T. Nếu cha mẹ cháu ly hôn với nhau, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha.

Tại Biên bản xác minh đối với ông Huỳnh Văn H – Trưởng ấp AH, xã AT, huyện M đề ngày 17/8/2022 về nguyên nhân mâu thuẫn của chị Trịnh Thị T và anh Từ Tấn Th có nội dung như sau:

Anh Từ Tấn Th và chị Trịnh Thị T sau khi đám cưới sống bên gia đình anh Tha tại ấp AH, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre. Trong cuộc sống hôn nhân của anh chị, hàng ngày anh Th làm thuê vác gạo ở cùng xã, chị T ở nhà buôn bán nhỏ đến chiều tối đi làm ở quán nhậu. Chị T cho rằng anh Th có quan hệ với người phụ nữ khác, anh Th lại cho rằng chị T có quan hệ với người đàn ông khác. Tuy nhiên, chính quyền địa phương không biết chính xác nguyên nhân mất hạnh phúc của anh Th và chị T do anh chị không có nộp đơn yêu cầu hòa giải tại địa phương. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh Th, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị T. Chị Trịnh Thị T được ly hôn với anh Từ Tấn Th. Về con chung: Anh Th tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung tên Từ Trịnh Tuấn T1, sinh ngày 06/9/2009 và Từ Trịnh Phong Nh, sinh ngày 11/11/2011; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

[1] Đối với nguyên đơn chị Trịnh Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 16/9/2022 nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T là phù hợp. Đối với bị đơn anh Từ Tấn Th mặc dù đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do lần thứ hai nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Th là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Trịnh Thị T và anh Từ Tấn Th là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày, chị và anh Th không chung chí hướng, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau trong cuộc sống hàng ngày khiến cả hai đều căng thẳng và mệt mỏi. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Th. Anh Th vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên không có lời trình bày. Xét thấy, sau khi kết hôn anh chị có thời gian dài chung sống và có với nhau 02 con chung nhưng chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ mà anh chị sống bỏ mặc, không quan tâm nhau. Tại biên bản xác minh đối với ông Huỳnh Văn H – Trưởng ấp AH, xã AT, huyện M, mặc dù ông H không biết được chính xác nguyên nhân mất hạnh phúc của chị T và anh Th nhưng trong cuộc sống hàng ngày cả chị T và anh Th đều cho rằng người còn lại có quan hệ nam nữ với người khác bên ngoài cho thấy rằng anh Th và chị T có phát sinh mâu thuẫn, không tin tưởng lẫn nhau. Ngoài ra, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Th đến Tòa để tham gia hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh Th vẫn vắng mặt không lý do chứng minh anh không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Nay chị T cương quyết được ly hôn với anh Th. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp.

[3] *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung tên Từ Trịnh Tuấn T1, sinh ngày 06/9/2009 và Từ Trịnh Phong Nh, sinh ngày 11/11/2011, hiện đang sống với anh Th và chị T. Sau khi ly hôn, chị T đồng ý giao hai con chung cho anh Th tiếp tục trực tiếp nuôi và chị không cấp dưỡng nuôi con. Anh Th đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án tuy nhiên anh không có ý kiến hay yêu cầu, tranh chấp gì. Tại biên bản lấy ý kiến đề ngày 17/8/2022, cháu T1 và cháu Nh đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh Thanh. Xét thấy, cháu T1 và cháu Nh hiện đang sống với anh Th và theo

ông H (Trưởng ấp AH) thì anh Th có nghề nghiệp ổn định đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi cháu T1 và cháu Nh nên nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần và tâm sinh lý của cháu T1 và cháu Nh cần giao cháu T1 và cháu Nh cho anh Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của cháu T1 và cháu Nh. Đối với yêu cầu cấp dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi hai con chung và anh Th không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì nên nếu sau này có yêu cầu anh Th sẽ được quyền khởi kiện trong một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] *Về chia tài sản*: Theo chị T trình bày là anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai, anh Th đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án tuy nhiên anh không có ý kiến hay yêu cầu, tranh chấp gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần tài sản chung và nợ chung của chị T và anh Th. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Chị Trịnh Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị T.

Chị Trịnh Thị T được ly hôn với anh Từ Tấn Th.

2. *Về nuôi con chung*: Anh Từ Tấn Th tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung tên Từ Trịnh Tuấn T1, sinh ngày 06/9/2009 và Từ Trịnh Phong Nh, sinh ngày 11/11/2011; Chị Trịnh Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Th không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, anh chị không có nợ ai nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số ***** ngày **/**/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nên không phải nộp thêm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (1b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn (18/11/2008) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Kim Sang

